

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch Kinh tế - Xã hội năm 2010
và phương hướng nhiệm vụ năm 2011**

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2010

I. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND huyện.

Năm 2010 là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2006-2010), là năm diễn ra các sự kiện trọng đại của đất nước, đặc biệt là Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010, ngay từ đầu năm UBND huyện đã tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình KT-XH năm 2009 và giao Chỉ tiêu kế hoạch KT-XH, kế hoạch thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2010 cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn để triển khai thực hiện. UBND huyện đã ban hành Chương trình công tác năm 2010, quyết định một số nhiệm vụ và giải pháp tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH theo chỉ tiêu, kế hoạch của tỉnh và Nghị quyết HĐND huyện giao.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời của Huyện uỷ, sự giám sát chặt chẽ của HĐND, sự điều hành và triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển KT-XH của UBND huyện, sự nỗ lực quyết tâm của các cơ quan, ban ngành và cả hệ thống chính trị nên tình hình kinh tế - xã hội trong năm duy trì mức tăng trưởng khá; hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh, của HĐND huyện giao đều đạt và vượt kế hoạch, đời sống của nhân dân được cải thiện; tình hình an ninh- Chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

* **Tổng giá trị sản xuất:** 345,13 tỷ đồng, đạt 100,77% KH năm, tăng 14,95% so với năm 2009. Trong đó:

- Nông - Lâm - Ngư - nghiệp: 219,09 tỷ đồng, đạt 99,36% KH, tăng 10,79% so với năm 2009.

- Công nghiệp - Xây dựng: 55,98 tỷ đồng, đạt 107,65% KH, tăng 25,8% so với năm 2009.

- Thương mại - Dịch vụ: 70,06 tỷ đồng, đạt 100,1% KH, tăng 20,79% so với năm 2009.

* Thu nhập bình quân đầu người: 6,67 triệu/ người/ năm, đạt 102,65% KH.

* Lương thực bình quân đầu người: 393 kg/người/năm, đạt 97,04% KH.

* **Cơ cấu kinh tế:** Chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp, tăng tỷ trọng CN-XD và Thương mại - Dịch vụ, cụ thể:

+ Nông lâm ngư nghiệp: 63,48% (năm 2009: 65,86%)

+ Công nghiệp - Xây dựng: 16,22% (năm 2009: 14,82%)

+ Thương mại - dịch vụ: 20,30% (năm 2009: 19,32%)

II. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế.

1. Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp.

a) Trồng trọt:

* Tổng sản lượng lương thực cây có hạt 20.342,5 tấn, đạt 97,4% kế hoạch; giảm 211 tấn so với năm 2009. Trong đó:

- Cây lúa: Diện tích 4.062,5 ha, đạt 96,89% kế hoạch, giảm 130,5 ha so với năm 2009; năng suất bình quân 46,96 tạ/ha, đạt 100,95% kế hoạch, tăng 1,09 tạ/ha so với năm 2009; sản lượng 19.077,5 tấn, đạt 97,83% KH, giảm 155 tấn so với năm 2009.

- Cây ngô: Diện tích 329,6 ha, đạt 91,5% kế hoạch, giảm 35,1 ha so với năm 2009; năng suất 38,38 tạ/ha, đạt 101,1% KH, tăng so với năm 2009 là 2,18 tạ/ha; sản lượng 1.265 tấn, đạt 92,5% KH, giảm 55,2 tấn so với năm 2009.

Nguyên nhân: Các loại cây lương thực có hạt không đạt kế hoạch về diện tích và sản lượng là do năng hạn kéo dài, không đảm bảo nước tưới, một số diện tích bỏ hoang, không canh tác (khoảng 130 ha).

* Tổng sản lượng cây có bột là 20.445,5 tấn, đạt 85,8% kế hoạch; giảm 1.914,1 tấn so với năm 2009. Trong đó:

- Khoai lang: Diện tích 238 ha, đạt 105,78% kế hoạch, tăng 8 ha so với năm 2009; năng suất 60,23 tạ/ha, đạt 102,38% kế hoạch; sản lượng 1.433,5 tấn, đạt 108,30% kế hoạch, tăng 88,6 tấn so với năm 2009.

- Mi: Diện tích thu hoạch 1.520 ha/1700 đạt 89,41% kế hoạch; năng suất 125,08 tạ/ha, đạt 94,51% kế hoạch, tăng 1,08 tạ/ha so với năm 2009; sản lượng 19.012,16 tấn, đạt 84,50% kế hoạch, giảm 2.067,8 tấn so với năm 2009; Diện tích trồng mới 1.702 ha/1.700 ha, đạt 100,1% kế hoạch.

Nguyên nhân diện tích cây mi giảm so với năm 2009 là do một số diện tích chuyển đổi sang các loại cây trồng khác. Bên cạnh đó thời tiết bất lợi đã ảnh hưởng xấu đến chất lượng cây trồng dẫn đến năng suất không đạt kế hoạch.

* Cây công nghiệp ngắn ngày:

- Lạc: Diện tích thu hoạch 333,6 ha, đạt 92,41% kế hoạch, giảm 21,7 ha so với năm 2009; năng suất 18,87 tạ/ha, đạt 96,08% kế hoạch, tăng 2,2 tạ/ha so với năm 2009; sản lượng 629,5 tấn, đạt 88,79% kế hoạch, tăng 37,2 tấn so với năm 2009.

- Cây Mía: Diện tích thu hoạch niên vụ 2009-2010 là 821,2 ha; năng suất 302 tạ/ha đạt 57,04% kế hoạch, giảm 183 tạ/ha so với niên vụ trước; sản lượng 24.800,2 tấn đạt 55,11% kế hoạch. Năng suất mía thấp so với các năm trước là do giá mía không ổn định, nên nhân dân không đầu tư chăm sóc và thâm canh.

- Cây Dừa hủ: Diện tích 46,3 ha; năng suất 333 tạ/ha, sản lượng 1.541,93 tấn.

b) Khuyến nông - Khuyến lâm - Khuyến Ngư:

Trong năm đã thực hiện 14 mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đầu tư cho 309 hộ gia đình với tổng kinh phí 1.435 triệu đồng. Phối hợp với Trung tâm khuyến nông tỉnh tổ chức nhiều lớp tập huấn kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo. Hiện nay ở 20 xã, thị trấn đã có khuyến nông viên.

Nhìn chung các mô hình đã được triển khai và nhân rộng có hiệu quả góp phần nâng cao năng suất và đem lại giá trị kinh tế cao.

c) Chăn nuôi:

- Tổng đàn trâu: 20.353 con đạt 105,89% KH, tăng so với đầu năm là 737 con.

- Tổng đàn bò: 9.571 con đạt 104,15% KH (tỷ lệ Sind hóa 57%), tăng so với đầu năm là 954 con; trong đó thuộc các chương trình dự án cấp là 478 con.
- Tổng đàn lợn : 29.497 con đạt 102,78% KH, tăng so với đầu năm là 1.973 con.
- Sản lượng thịt xuất chuồng: 1.600 tấn, đạt 88,89% KH.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản 300ha, sản lượng nuôi trồng khoảng 175 tấn với giá trị sản xuất 0,7 tỷ đồng

- Công tác phòng chống dịch gia súc, gia cầm được duy trì thường xuyên. UBND huyện đã chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc cũng như tổ chức tiêm phòng cho gia súc ở 20/20 xã, thị trấn nên tình hình gia súc, gia cầm bị chết do dịch bệnh đã hạn chế đáng kể.

d) Thủy lợi:

- Tổng diện tích được tưới trong năm 4.062,5 ha (trong đó tưới bằng công trình kiên cố là 2.162 ha, chiếm 53,2% tổng diện tích)
- Công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi được tiến hành thường xuyên. Các địa phương đã huy động nhân dân nạo vét kênh mương và tu sửa các công trình bị hư hỏng sau các đợt mưa lũ năm 2009 bằng ngày công lao động ở địa phương và một phần kinh phí cấp bù thủy lợi phí để đảm bảo nước cho sản xuất nông nghiệp (đắp và củng cố 200 đập bồi, nạo vét trên 70 km các tuyến kênh mương). Tuy nhiên nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí ở nhiều địa phương còn tồn đọng, chưa sử dụng hiệu quả.

e) Lâm nghiệp:

- Diện tích quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi : 78.632,2 ha.
- Trồng rừng tập trung: 3.432,9 ha.
 - + Trồng rừng phòng hộ : 155 ha/250 ha
 - + Trồng rừng sản xuất : 3.027,9 ha.
 - + Trồng rừng sản xuất theo Quyết định 147 : 250 ha/500 ha.
- Trồng cây phân tán : 500.000 cây.
- Về khai thác rừng nguyên liệu: Tổng diện tích khai thác: 4.198,02 ha, sản lượng khai thác từ rừng trồng là 348.162 m³, đạt 290% kế hoạch, tổng doanh thu khoảng 120 tỷ đồng.

- Công tác quản lý bảo vệ, PCCCR luôn được chú trọng. Tăng cường công tác tuần tra, truy quét nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng. Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân (184 buổi/5.925 lượt người tham dự). Thường xuyên dự báo cấp độ nguy hiểm có khả năng cháy rừng, chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng cứu kịp thời khi có tình huống xảy ra, do đó năm 2010, trên địa bàn huyện chưa xảy ra vụ phá rừng cũng như cháy rừng nghiêm trọng; độ che phủ của rừng là 63,78%.

2. Tài nguyên và Môi trường.

- Hoàn thành công tác đo, vẽ, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp với khối lượng:
 - + Diện tích đo, vẽ, lập hồ sơ địa chính là : 39.376,5 ha/41.887 ha, đạt 94%;
 - + Cấp giấy chứng nhận QSD đất Lâm nghiệp: 30.856giấy/21.836 giấy đạt 141,3%.

- Cấp giấy chứng nhận QSD đất theo hồ sơ một cửa (gồm cấp đổi, cấp lại, thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, tách thửa) được 175 giấy;

- Số hồ sơ tiếp nhận của công dân là: 208 hồ sơ, trong đó:
 - + Đã giải quyết: 140 hồ sơ;
 - + Trả hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết cho công dân: 08 hồ sơ;
 - + Tiếp tục kiểm tra giải quyết: 60 hồ sơ

- Phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai thực hiện Dự án VLap về đo, vẽ, cấp giấy chứng nhận QSD đất ở, đất nông nghiệp trên địa bàn 05 xã: Ba Vi, Ba Xa, Ba Tiêu, Ba Ngạc, Ba Tô.

- Thu hồi, giao đất cho các đơn vị theo quy định. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2010 ở cấp xã, huyện. Hoàn thành hồ sơ xin thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và đang triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã, huyện.

- Cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho 08 tổ chức tại 13 điểm. Thường xuyên kiểm tra các điểm khai thác khoáng sản tại xã, kịp thời xử lý vi phạm và các tranh chấp trong lĩnh vực khai thác khoáng sản.

- Xác nhận đề án BVMT cho 01 dự án và cam kết BVMT cho 09 dự án.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông về môi trường trong ngày đa dạng sinh học

22/5, môi trường thế giới 5/6, chiến dịch làm cho thế giới sạch 22/9.

3. Công nghiệp – Xây dựng, Thương mại - dịch vụ, giao thông vận tải.

- Về CN-XD: giá trị sản xuất trong năm 55,98 tỷ đồng, đạt 107,65% KH, tăng 25,8% so với năm 2009; sản phẩm chủ yếu là điện thương phẩm, hàng mộc dân dụng, xay xát gạo, gia công, hàng may mặc, vật liệu xây dựng...

- Về Thương mại- Dịch vụ: Giá trị thương mại và doanh thu dịch vụ trong năm: 70,06 tỷ đồng, đạt 100,1% KH, tăng 20,8% so với năm 2009.

- Hoàn thành công tác duy tu bảo dưỡng năm 2010 theo kế hoạch với tổng kinh phí 270 triệu đồng; khắc phục hậu quả lũ lụt năm 2009 tuyến Ba Bích – Ba Nam và tuyến Ba Thành – Hành Tín Đông với kinh phí 130 triệu đồng.

- Phối hợp với sở GTVT & Công ty TNHH một TV Mai Linh khai trương đưa vào hoạt động tuyến xe buýt Quảng Ngãi-Ba Tư và ngược lại từ ngày 01/11 đã đáp ứng được nhu cầu đi lại của dân, góp phần hạn chế tai nạn giao thông.

- Lắp đặt, đưa vào sử dụng trạm đèn điều khiển giao thông với kinh phí 500 triệu đồng.

- Hoàn thành thi công các tuyến đường giao thông nông thôn chiều dài 1.238 mét với kinh phí 1.296,7 triệu đồng.

- Đầu tư xây dựng các tuyến: Ba Vi - Ba Xa; Km 36+400 (QL24) - Ba Giang; Ba Tư - Ba Bích - Ba Lễ; Ba Chùa - Bến Buôn với kinh phí đầu tư 11.327,82 triệu đồng.

- Vận chuyển hàng hóa 14.400 tấn, tăng 4.300 tấn so với năm 2009.

- Vận chuyển hành khách 16.100 lượt người, tăng 5.900 lượt người so với năm 2009.

- Doanh thu vận tải đường bộ 1.700 triệu đồng, tăng 800 triệu đồng so với năm 2009.

4. Thu chi ngân sách: (tính đến ngày 05/12/2010)

* Tổng thu ngân sách Nhà nước: 136.459 triệu đồng, trong đó:

- Thu trên địa bàn: 7.352 triệu đồng, đạt 114,34% KH tình giao và 98,03% NQ HĐND huyện. Trong đó thu huyện hưởng: 5.513 triệu đồng, đạt 88,78% KH tình giao và đạt 81,92% NQ HĐND huyện giao. (dự kiến đến 31/12/2010 thu 7,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch huyện giao)

- Thu trợ cấp từ NS tỉnh: 107.466 triệu đồng, đạt 139% KH

- Thu chuyên nguồn từ năm trước: 14.854 triệu đồng.

- Thu chưa đưa vào cân đối : 6.787 triệu đồng

* Tổng chi ngân sách: 133.188 triệu đồng, trong đó:

- Chi NS cấp huyện : 110.670 triệu đồng, gồm :

+ Chi đầu tư phát triển: 8.198 triệu đồng.

+ Chi thường xuyên: 86.989 triệu đồng.

+ Chi tạm ứng : 3.463 triệu đồng.

+ Chi khác chưa đưa vào cân đối: 12.020 triệu đồng.

- Chi NS cấp xã : 22.518 triệu đồng

Nhìn chung tình hình thu, chi NS trong năm 2010 đảm bảo KH, các khoản thu đều đạt cao; đáp ứng nhu cầu phục vụ cho đầu tư phát triển KT-XH, an ninh, Quốc phòng.

5. XDCB, các chương trình mục tiêu. (Có báo cáo riêng)

Tổng vốn đầu tư theo kế hoạch là: 168.649 triệu đồng (kể cả năm 2009 chuyển sang), đến nay đã giải ngân 119.837 triệu đồng, đạt 71,1% kế hoạch, dự kiến đến cuối năm giải ngân 162.240 triệu đồng, đạt 96,2% so kế hoạch vốn giao.

III. Lĩnh vực Văn hoá - xã hội.

1. Giáo dục.

- Kết thúc năm học 2009-2010 có 850/850 em được xét công nhận hoàn thành chương trình bậc tiểu học, đạt 100%; 811/813 em tốt nghiệp THCS, đạt 99,8%; 285/289 em tốt nghiệp THPT, đạt 98,6% và 143/151 học viên tốt nghiệp hệ Bỏ túc văn hóa BTVH, đạt 94,7%.

- Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở tại 20/20 xã, thị trấn.

- Năm học 2010-2011, các địa phương, các trường đẩy mạnh công tác vận động con em trong độ tuổi đến trường đạt tỷ lệ cao từ đầu năm học, phát động phong trào toàn dân đưa trẻ đến trường. Tổng số học sinh các cấp đầu năm học 11.846 em, cụ thể:

+ Mầm non: có 2.732 cháu, đạt 103% KH.

+ Tiểu học 4.708 em, đạt 101,9% KH.

+ THCS: 3.261 em, đạt 101,85% KH

+ THPT: 895 em, đạt 80% KH.

+ Dân tộc Nội trú: 250 học sinh

- Giáo dục thường xuyên: 514 học viên.

- Phổ cập THCS: 234 học viên.

2. Y tế, Dân số- KHH Gia đình.

a) Y tế:

- Trong năm do thời tiết thay đổi bất thường nên xảy ra một số dịch bệnh như: Đường tiêu hóa, sốt xuất huyết, cảm cúm, viêm đường hô hấp... nhưng được chữa trị kịp thời. Các chương trình quốc gia về y tế triển khai thực hiện có hiệu quả, hoạt động

cơ sở chẩn trị đông y được duy trì thường xuyên. Y tế cơ sở được củng cố và có nhiều cố gắng trong khám chữa bệnh cho nhân dân.

+ Đã có 61.070 lượt người đến khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện và các trạm y tế cơ sở.

+ Số bệnh nhân nội trú 5.532 người; ngoại trú 28.881 người, trong đó: tuyến huyện 14.478 người, tuyến xã 14.303 người; bệnh nhân chuyển tuyến 667 ca.

+ Số lần xét nghiệm: 10.946 lần, siêu âm: 737 lần, chụp X quang: 1.907 lần, phẫu thuật, thủ thuật: 475 lần.

+ Số bệnh nhân tử vong tại Cơ sở y tế là 06 người.

+ Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng: nhẹ cân 39,7% (giảm 0,3% so với năm 2009); thấp còi 52,6%(giảm 0,4% so với năm 2009).

+ Số trạm y tế có Bác sĩ: 20/20 trạm (12/20 trạm có biên chế BS tại trạm; 8 BS tăng cường của sở y tế).

+ Hiện mẫu nhân đạo: thu được 158/150 đơn vị máu, đạt 105% chỉ tiêu.

+ Tổng kinh phí KCB cho người nghèo và trẻ em là 479,667 triệu đồng.

b) Dân số KHHGD:

- Mạng lưới cộng tác viên cơ sở hoạt động có hiệu quả; hướng dẫn nhân dân thực hiện việc tự chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ và trẻ em, thường xuyên tuyên truyền các biện pháp tránh thai; có 2.864/2.855 cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai (đạt 100,3% so với kế hoạch được giao).

- Dân số trung bình: 51.725 người; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,04%

3. Hoạt động văn hoá thông tin- TTPLTH.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao được duy trì thường xuyên. Viết vẽ pano tuyên truyền trưng bày tại đại hội thi đua yêu nước và đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII. Thực hiện thành công 12 chương trình văn nghệ phục vụ các ngày lễ, tổ chức 04 đêm văn nghệ tại sân khấu quảng trường chào mừng các sự kiện.

Tổ chức Hội bảo xuân, triển lãm ảnh, cũng như hội thi tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Ba Tơ tại 05 điểm cơ sở: thị trấn Ba Tơ, Ba Bích, Ba Vinh, Ba Dinh, Ba Vi.

Tham gia tiếng hát họa my đạt giải nhất toàn tỉnh và đạt giải nhì toàn tỉnh trong hội thi tiếng hát nông dân; tổ chức nhiều hoạt động TDTT khác; hoạt động của đội điện ảnh vượt chỉ tiêu, thu hút trên 60.000 lượt người đến xem, cổ vũ.

Phong trào TĐKXDDSVH: Phối hợp với TTVHTT tỉnh xây dựng câu lạc bộ GĐVH tại thôn Làng Teng xã Ba Thành với 32 hội viên tham gia. Tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện cuộc vận động TĐKXDDSVH và triển khai kế hoạch 5 năm (2011-2015). Kết quả trong năm 2010 đạt được: GĐVH 10.257 hộ/13.457 hộ, đạt 76,22% (đạt 93,35% so với chỉ tiêu giao là 10.987 hộ); Thôn, TDP văn hóa 95/105 thôn, đạt 90,47% (đạt 121,79% so với chỉ tiêu giao là 78 thôn); cơ quan đơn vị văn hóa 128/140 đạt 91,42% (đạt 100% so với chỉ tiêu giao là 128 cơ quan).

Xây dựng đề án phát triển thương mại – du lịch huyện Ba Tơ năm 2010-2015 và tầm nhìn năm 2020.

- Chương trình truyền thanh, phát lại truyền hình ngày càng nâng cao về số lượng và chất lượng, phản ánh sinh động, toàn diện và kịp thời tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo. Trong năm xây dựng trên 200 chương trình thời sự địa phương (có 54 chương trình tiếng Hre)

xây dựng các nội dung về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, điều tra hộ nghèo và lao động phát trên các Đài truyền thanh xã, thị trấn; xây dựng 4 chương trình phát thanh và 2 chương trình truyền hình địa phương, phát trên sóng PTTH tỉnh. Tỷ lệ hộ nghe Đài TNVN và Đài tỉnh 95%, xem THVN và truyền hình PTQ 95%.

- Hoạt động bưu chính – viễn thông: Tổ chức kiểm tra điện thoại, phương tiện nghe nhìn, phổ cập internet trên toàn địa bàn huyện. Mạng viễn thông tiếp tục phát triển, bình quân máy điện thoại đạt 28 máy/100 dân (điện thoại cố định 8 máy/100 dân, di động 20 máy/100 dân); số trạm phát sóng di động (Vinaphone, Viettel, Evntelecom) toàn huyện có 33 trạm BTS, phủ sóng 18/20 xã, thị trấn; hoạt động trao đổi, truy cập thông tin qua mạng internet ngày càng nhiều, tất cả các phòng ban và các doanh nghiệp Nhà nước đều kết nối internet và đã trao đổi thông tin qua mạng. Hoạt động Bưu chính đảm bảo các dịch vụ thư, báo, bưu phẩm... hầu hết các xã đều có thư báo trong ngày.

4. Lao động-TB&XH, các chính sách dân tộc.

a) Công tác lao động, việc làm, giảm nghèo:

- Phối hợp với TTGTVL tỉnh tổ chức mở sân giao dịch việc làm phiên thứ 2 tại huyện thu hút hơn 600 lao động tham gia tư vấn. Đến ngày 9/11/2010 có 267 lao động đăng ký tham gia XKLD, kết quả đưa 196 lao động đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đạt 98% KH huyện giao và đạt 130,7% KH tỉnh giao.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn công tác xoá đói giảm nghèo; hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo. Kết quả năm 2010 đã giảm được 392 hộ nghèo/650 hộ, đạt 60,3%, đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 27,27%. Đã hoàn thành công tác điều tra sơ bộ hộ nghèo theo chuẩn mới với tỷ lệ hộ nghèo 54,25%, hộ cận nghèo 13,60%.

b) Thực hiện chính sách ưu đãi người có công:

- Đã giải quyết 629 hồ sơ chính sách các loại.

- Tổ chức cho 120 đối tượng điều dưỡng tại Quảng Ngãi; đưa 2 đối tượng tham quan Thủ đô Hà Nội; điều dưỡng tại chỗ 530 đối tượng với số tiền 371 triệu đồng.

- Cấp 48 sổ tiết kiệm do Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và của huyện với số tiền là 77.960.000đ; trao tặng 10 Tivi do Ngân hàng Liên Việt Quảng Ngãi tặng cho gia đình chính sách và hộ nghèo.

- Xây dựng mới, hỗ trợ làm mới và sửa chữa 77 nhà tình nghĩa cho đối tượng người có công với số tiền là 965 triệu đồng (21 nhà xây mới; 15 nhà cùng gia đình xây mới, 41 nhà sửa chữa).

c) Thực hiện chính sách xã hội:

- Tổ chức tập huấn rà soát đối tượng tâm thần nặng, lang thang, có hành vi gây nguy hiểm đến gia đình và cộng đồng năm 2010 cho 20 xã, thị trấn, kết quả rà soát có 226 đối tượng (đã tổng hợp báo cáo về Sở LĐTBXH).

- Cứu tế thường xuyên 1.924 đối tượng; hỗ trợ một lần cho 1.019 học sinh PC THCS với số tiền 122,280 triệu đồng để mua đồ dùng học tập năm học 2009-2010.

- Tiếp nhận và cấp phát 11 xe lăn cho người khuyết tật; cấp phát 220 tấn gạo cứu đói đò lửa và gạo cứu đói giáp hạt cho 5.839 hộ/ 12.068 khẩu.

- Cấp thẻ BHYT cho 44.863 đối tượng gồm người nghèo, dân tộc thiểu số vùng khó khăn, người có công CM, người cao tuổi và trẻ em dưới 6 tuổi.

- Công tác trẻ em thường xuyên được quan tâm như: Tặng quà cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân các ngày lễ, tết thiếu nhi, tháng hành động vì trẻ em; đưa các em khuyết tật đi khám và điều trị tại các bệnh viện.

d) Thực hiện các chính sách dân tộc, người nghèo:

- Thực hiện cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán năm Canh Dần 2010: đã cấp 3 mặt hàng (bột ngọt, nước mắm, dầu ăn) cho 43.615 khẩu/11.158 hộ với kinh phí là 837.187.650 đồng.

- Cấp tiền tương đương 5 lít dầu hỏa theo Quyết định số 289: Số hộ hưởng thụ: 3.674 hộ, với 221,225 triệu đồng, hiện nay đã cấp 196 triệu đồng, đạt 88,6% kế hoạch.

- Hỗ trợ trực tiếp theo Quyết định 102/QĐ-TTg: 14.760 khẩu, với tổng kinh phí 1.336,44 triệu đồng, hiện nay đã cấp đạt 100% kế hoạch.

- Thực hiện chính sách ĐC-ĐC theo Quyết định số 33/QĐ-TTg: Trong 2 năm (2009, 2010) tỉnh phân bổ 2.008 triệu đồng để thực hiện ĐC-ĐC xen ghép ở các xã Ba Trang, Ba Thành, Ba Nam.

- Thực hiện chính sách cho vay hộ nghèo vốn sản xuất: NHCS XH đã giải quyết cho 117 hộ nghèo vay vốn sản xuất với số tiền là 585 triệu đồng, lãi suất bằng 0%.

- Tổng kết Chương trình 135-II và các chính sách dân tộc giai đoạn 2006-2010 đúng thời gian quy định, kết quả có 1 xã (Ba Đình) hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

- Tổng số nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg được UBND tỉnh phê duyệt là 2.190 nhà với tổng kinh phí 52.560 triệu đồng (trong đó: Nguồn TW là 16.863 triệu đồng, NS tỉnh là 1.533 triệu đồng, các DN hỗ trợ 15.330 triệu đồng, vay vốn ưu đãi 17.520 triệu đồng, gia đình hộ tộc đóng góp 1.314 triệu đồng). Năm 2009 giao kế hoạch xây dựng 2.017 nhà. Năm 2010 giao kế hoạch 173 nhà. Tính đến ngày 05/12/2010 toàn huyện có 2.101/2.190 nhà hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, đạt 95,94% KH giao, đang xây dựng dở dang 89 nhà, dự kiến sẽ hoàn thành trước tết âm lịch.

Đã giải ngân 24.743 triệu đồng /33.518 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách và doanh nghiệp hỗ trợ, đạt 73,82% KH vốn.

Ngân hàng CSXH huyện đã triển khai giải ngân đến ngày 8/12/2010 là 8.768 triệu đồng với 1.096 hộ, kế hoạch còn lại giải ngân trong năm 2010 là 5.016 triệu với 627 hộ ; nguyên nhân giải ngân chậm là do một số hộ vay đi làm ăn xa, danh sách người được thụ hưởng của UBND xã đề nghị UBND huyện phê duyệt đối chiếu lại giấy CMND và hộ khẩu sai tên nên khi làm các hồ sơ gặp nhiều khó khăn.

- Hỗ trợ con hộ nghèo đi học theo QĐ 112: Đã thực hiện hỗ trợ cho học sinh từ mẫu giáo đến trung học cơ sở là con hộ nghèo ở các xã, thôn ĐBKK với kinh phí được giao là 4.825 triệu đồng, đã giải ngân 4.243 triệu đồng, đạt 87,9% kế hoạch.

IV. Lĩnh vực nội chính và tổ chức Nhà nước.

1. Tổ chức Nhà nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hiện cơ chế một cửa trên các lĩnh vực theo quy định, tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, công dân đến quan hệ công tác; trật tự kỷ cương hành chính trong bộ máy quản lý Nhà nước ngày càng được đổi mới và nâng cao hiệu quả.

- Về tổ chức: Tổ chức sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện theo Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26/02/2010 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ từ 12 phòng ban lên 13 phòng ban. UBND huyện đã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Dân tộc, đi vào ổn định hoạt động từ tháng 10 năm 2010; đồng thời điều động 05 cán bộ, công chức, 05 giáo viên, 08 công chức xã; chuyển chuyển 02 cán bộ, công chức; luân chuyển 01 cán bộ, công chức. Trong năm bổ nhiệm 05 Trưởng phòng và tương đương, 05 Phó trưởng phòng và tương đương; kỷ luật 08 CBCC (cách chức 01, khiển trách 05, cảnh cáo 01 và buộc thôi việc 01). Cũ 36 con em là người địa phương học lớp cử tuyển Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh lớp tạo nguồn cán bộ cấp xã.

- Sắp xếp, bố trí và xây dựng phương án giải quyết chế độ cán bộ chủ chốt cấp xã sau Đại hội không đủ chuẩn để cơ cấu lại nhiệm kỳ 2010 – 2015, kiện toàn, củng cố bộ máy tổ chức HDND và UBND, nhiệm kỳ 2004 - 2011 ở các xã, thị trấn.

- Thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, UBND huyện đã phân cấp cho 3 đơn vị sự nghiệp công lập trường học về quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện biên chế và tài chính.

- Công tác thi đua – khen thưởng: Tổ chức Đại hội thi đua yêu nước lần thứ III của huyện giai đoạn 2005-2010 và đề ra phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2010- 2015; biểu dương, khen thưởng nhiều tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong phong trào; năm 2010 đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất cho cán bộ và nhân dân Ba Tơ; đồng thời phát động phong trào thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2010.

- Công tác QLNN về tôn giáo: UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng và địa phương thực hiện tốt công tác tôn giáo trên địa bàn, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng theo qui định. Hiện nay trên địa bàn huyện có 90 hộ với 372 khẩu theo đạo tin lành gồm 6 hệ phái, chủ yếu tập trung tại 7 xã (Ba Tô, Ba Bích, Ba Xa, Ba Dinh, Ba Động, Ba Cung và Thị trấn Ba Tơ) trong đó có 3 hệ phái được công nhận tư cách pháp nhân ở cấp tổng hội. Tuy nhiên vẫn xảy ra tình trạng hoạt động tôn giáo trái phép của các hệ phái tin lành chưa được công nhận tư cách pháp nhân, đáng lưu ý là xuất hiện giáo hội tin lành Lutherand Việt Nam hoạt động mang màu sắc chính trị, phản động. Đã chỉ đạo lực lượng chức năng đấu tranh triệt phá.

2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo - Công tác thanh tra.

a) Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo:

- Duy trì thường xuyên chế độ tiếp dân theo định kỳ, giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Tổng số công dân tiếp trong kỳ là 72 lượt người (trong đó cấp huyện 14, cấp xã, thị trấn và các đơn vị trực thuộc 58)

- Tổng số đơn khiếu nại là 130 đơn/116 vụ, trong đó: khiếu nại về hành vi hành chính, quyết định hành chính là 2 đơn/ 2 vụ.

- Xử lý đơn tiếp nhận: UBND xã, thị trấn tiếp nhận 49 đơn/45 vụ (thuộc thẩm quyền giải quyết là 47 đơn/43 vụ), đã giải quyết 28 đơn/27 vụ; các phòng ban của huyện là 33 đơn/25 vụ, đã giải quyết 25 đơn/17 vụ; UBND huyện là 48 đơn/ 46 vụ (trong đó có 1 vụ năm 2009 chuyển sang). Hầu hết các đơn thư khiếu nại, tố cáo đã được các cấp có thẩm quyền quan tâm giải quyết, không để xảy ra phức tạp về ANTT.

b) Công tác thanh tra:

- Tiến hành 06 cuộc/9 đơn vị thanh tra về kinh tế xã hội (04 cuộc đã kết thúc và 02 cuộc đang thực hiện). Qua thanh tra, phát hiện số tiền sai phạm là: 98.231.300 đồng. Kiến nghị thu nộp ngân sách huyện số tiền 53.502.000 đồng; kiến nghị chấn chỉnh và kiểm điểm rút kinh nghiệm trong quản lý điều hành ngân sách là 04 đơn vị.

- Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật khiếu nại, tố cáo 04 cuộc/07 đơn vị. Qua thanh tra đã kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng: 02 cuộc/05 đơn vị. Qua thanh tra nhận thấy UBND các xã đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, triển khai học tập cho cán bộ, công chức, đảng viên và quần chúng, nhân dân với 1.398 lượt người tham dự.

3. Công tác Tư pháp – Thi hành án dân sự.

a) Công tác Tư pháp:

- Tổ chức hội nghị triển khai các văn bản luật mới ban hành cho lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, báo cáo viên và cán bộ công chức, xã, thị trấn; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai phổ biến tuyên truyền nội dung các Luật, pháp lệnh có phạm vi điều chỉnh như: Luật bảo vệ và phát triển rừng, luật giao thông đường bộ, Luật đất đai...

- Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh trợ giúp pháp lý cho 19/20 xã, thị trấn, với nội dung gồm Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Dân sự; đồng thời hướng dẫn 17 câu lạc bộ trợ giúp pháp lý xã, thị trấn đi vào hoạt động ổn định.

- Công tác hòa giải được chú trọng, tỷ lệ hòa giải thành đạt cao, góp phần ổn định tình hình trật tự thôn xóm, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư tiên tiến ở địa phương.

b) Công tác thi hành án dân sự: giải quyết và thực hiện xong 52 việc/70việc, số tiền đã thực hiện và giải quyết xong 257,038 triệu đồng, đạt 72%.

4. An ninh - quốc phòng.

a) An ninh:

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản giữ vững.

- Xâm phạm về trật tự xã hội 17 vụ (tăng 04 vụ so với cùng kỳ), nổi lên chủ yếu là trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản, tội phạm trong lứa tuổi thanh, thiếu niên; xuất hiện tội phạm chống người thi hành công vụ, tội phạm có yếu tố nước ngoài.

-Tai nạn giao thông 09 vụ, làm chết 05 người, bị thương 09 người (tăng 01 vụ, 01 người chết so với năm 2009).

-Tệ nạn, tai nạn XH: Cờ bạc 12 vụ, 54 đối tượng; cháy 1 vụ, làm chết 1 người, bị thương 1 người (tăng 01 vụ so với cùng kỳ), tài sản thiệt hại trên 13 triệu đồng, nguyên nhân do bất cẩn; nghi kỵ cầm đồ thuốc độc 03 vụ; tai nạn khác 04 vụ, chết 3 người.

b) Quốc phòng:

- Triển khai nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương cấp huyện, xã; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, công tác tuần tra truy quét làm trong sạch địa bàn không để điểm nóng xảy ra.

- Xây dựng LLDQTV, dự bị động viên, tập huấn, huấn luyện, giáo dục quốc phòng cho các đối tượng đảm bảo theo kế hoạch giao, trong đó đã tiến hành diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị cho 4/4 xã đạt 100% chỉ tiêu giao.

- Công tác gọi công dân nhập ngũ đợt II năm 2010 đảm bảo quy trình, công bằng, dân chủ, đúng luật, đảm bảo đạt 100% chỉ tiêu.

V. Về tình hình chỉ đạo triển khai thực hiện NQ 30a.

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về các Chính sách hỗ trợ theo tinh thần NQ 30a của Chính phủ.

Sau khi Đề án được phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức Hội nghị quán triệt tinh thần thực hiện Nghị Quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ; đồng thời thông qua nội dung Đề án thực hiện Chương trình 30a của huyện để các cơ quan, ban ngành và các địa phương xác định mục tiêu và nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; trên cơ sở đó triển khai đồng bộ các hợp phần, nội dung theo Nghị Quyết 30a đã được phê duyệt; xây dựng kế hoạch và dự án cụ thể; BCĐ 30a của huyện đã tổ chức hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc các địa phương chủ động và tích cực tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Các nguồn vốn đã được triển khai sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, bước đầu đã phát huy hiệu quả góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

Tóm lại: Trong năm 2010, do tác động của nhiều yếu tố khách quan như: biến động giá cả, tình hình thời tiết, dịch bệnh... đã ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Song được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng và phối kết hợp có hiệu quả của các ngành, các cấp nên tình hình kinh tế - xã hội trong năm của huyện giữ tốc độ tăng trưởng khá, các chỉ tiêu KT-XH cơ bản đều đạt và vượt so với kế hoạch. Nhiều dự án đầu tư phát huy hiệu quả; hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao có nhiều chuyển biến đáp ứng nhiệm vụ chính trị của địa phương; an ninh chính trị, trật tự xã hội được giữ vững. Việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc mà đặc biệt là Nghị quyết 30a của Chính phủ đã góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tuy nhiên trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH ở địa phương vẫn còn những tồn tại cần khắc phục, đó là:

1. Về sản xuất nông lâm nghiệp:

- Công tác chỉ đạo sản xuất một số loại cây trồng, nhất là cây lúa một số địa phương còn xem nhẹ về lịch thời vụ, cơ cấu giống nên dẫn đến năng suất lúa không cao, việc chuyển đổi cây trồng còn chậm (hầu hết các loại cây trồng không đạt kế hoạch) làm ảnh hưởng đến tổng sản lượng lương thực chung toàn huyện.

- Về chăn nuôi còn nặng tập quán chăn thả rông, ít quan tâm chuồng trại và dự trữ thức ăn dẫn đến đàn gia súc bị thiệt hại về mùa lạnh - trong đó có việc bảo quản chăm sóc đàn gia súc thuộc các dự án, chương trình đã hỗ trợ.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng được huyện quan tâm chỉ đạo đúng mức, nhưng chuyển biến còn chậm về nhận thức, phần nào còn khoán trắng cho lực lượng kiểm lâm, công an chưa thấy đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị nên tình hình phá rừng, khai thác, vận chuyển gỗ trái phép vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

2. Phát triển CN - TTCN, TM - DV trên địa bàn còn chậm và còn nhỏ lẻ, chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế của địa phương. Đặc biệt là việc tiến hành xây dựng cụm công nghiệp của huyện còn quá chậm (vướng nhất là về thủ tục đất đai) nên đến nay vẫn chưa hoàn thành để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về thương mại - Dịch vụ: Tuy có phát triển nhưng chủ yếu là hộ buôn bán nhỏ, lẻ, chưa có tầm và quy mô lớn để phát triển nhiều ngành nghề và thu hút lao động, các hoạt động về du lịch không phát huy được lợi thế về tiềm năng.

3. Xây dựng cơ bản: Tuy được giao kế hoạch vốn ngay từ đầu năm nhưng quá trình thực hiện còn chậm từ khâu lập hồ sơ thủ tục, tiến hành xây dựng, giải ngân và quyết toán công trình có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án các công trình chưa tập trung và kiên quyết chỉ đạo nên cần rút kinh nghiệm trong những năm tiếp theo để công tác này tiến bộ hơn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Công tác giảm nghèo chưa được các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị quan tâm chỉ đạo thường xuyên để đạt hiệu quả. Thực hiện còn lúng túng từ công tác điều tra ban đầu, công tác tuyên truyền, quy trình xét thiếu công khai dân chủ nên còn phức tạp ở cơ sở, đã dẫn đến kết quả đạt được còn hạn chế, hộ tái nghèo còn cao.

5. Giáo dục - Đào tạo: Nhà nước rất quan tâm đề ra nhiều chính sách cho ngành giáo dục về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, đầu tư trang thiết bị, hỗ trợ tiền cho học sinh dân tộc, hộ nghèo nhưng tình hình học sinh đi học già gạo - bỏ học vẫn còn diễn ra nhiều năm qua nhưng chúng ta chưa có biện pháp tích cực nhằm hạn chế, đây là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị (mà nhất là ở cơ sở). Vấn đề này cần gắn với các phong trào thi đua, các đợt xét phân loại về đảng, chính quyền, mặt trận đoàn thể, các danh hiệu... để từ đó làm chuyển biến nhận thức và chuyển biến tình hình.

6. Tình hình ANCT - TTATXH tuy được giữ vững, ổn định, song từng lúc từng nơi còn diễn biến phức tạp như: tranh chấp đất đai, nghi kỵ cấm đồ thuốc độc trong đồng bào dân tộc Hre, tình hình trộm cắp, cờ bạc, số đề còn xảy ra một số nơi. Đặc biệt tình hình tai nạn giao thông có xu hướng gia tăng.

7. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, thị trấn chưa nghiêm, nhất là trong việc tham mưu UBND huyện chỉ đạo điều hành trên các lĩnh vực phụ trách còn chậm, chưa năng động, sáng tạo, chế độ thông tin báo cáo không kịp thời, thậm chí có công việc còn dùn đẩy trách nhiệm nên hiệu quả công việc không cao.

Tóm lại những tồn tại hạn chế trên là lực cản rất lớn làm hạn chế sự phát triển chung của huyện, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 2010. Do đó, chúng ta cần nghiêm túc kiểm điểm, nhìn nhận và có biện pháp khắc phục ngay để có sự chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 2011.

PHẦN THỨ HAI
Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu
phát triển kinh tế - xã hội năm 2011

I. Mục tiêu tổng quát.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách và nhiệm vụ đã được TW và UBND tỉnh ban hành về việc thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, bảo đảm an sinh xã hội; đẩy mạnh công tác giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2011 của huyện từ 15 – 16% tạo tiền đề để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt mức 16,5% như Nghị quyết Đại hội lần thứ 17 Đảng bộ huyện đã đề ra.

II. Chỉ tiêu chủ yếu.

II.1 Chỉ tiêu kinh tế.

1. Giá trị sản xuất: 399 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng 15,6%
 - Nông lâm ngư nghiệp: 243 tỷ đồng, tăng 10,9%
 - Công nghiệp – Xây dựng: 71 tỷ đồng; tăng 26,8%
 - Thương mại dịch vụ: 85 tỷ đồng; tăng 21,3%

2. Cơ cấu kinh tế: - Nông lâm ngư nghiệp: 60,90%
 - Công nghiệp - Xây dựng: 17,80%
 - Thương mại dịch vụ: 21,30%

- * Lương thực bình quân đầu người: 409 kg/người/năm.
- * Thu nhập bình quân đầu người: 7,63 triệu/người/năm.

3. Sản lượng sản phẩm:

* Trồng trọt:

- Lúa: Diện tích: 4.187 ha; năng suất: 47,8 tạ/ha; sản lượng: 20.013 tấn.
- Ngô: Diện tích: 338 ha; năng suất: 40,47 tạ/ha; sản lượng: 1.367 tấn.
- Mỳ: Diện tích: 1.730 ha; năng suất: 134,28 tạ/ha; sản lượng: 23.230 tấn.
Diện tích trồng mới: 1.730 ha.
- Lang: Diện tích: 209 ha; năng suất: 62,52 tạ/ha; sản lượng: 1.306 tấn.
- Mía: Diện tích thu hoạch: 697,5 ha; năng suất: 452,02 tạ/ha; sản lượng: 31.528 tấn; diện tích trồng 748 ha (Trồng mới 40 ha, phá gốc trồng lại 299ha, lưu gốc 409ha)
- Lạc: Diện tích: 330,5 ha; năng suất: 19,01 tạ/ha; sản lượng: 628 tấn.

* Chăn nuôi:

- Đàn trâu: 20.500 con
- Đàn bò: 10.080 con (tỷ lệ Sinh hóa 57%)
- Đàn lợn: 30.132 con.
- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 1.700 tấn
- Sản lượng nuôi trồng: 175 tấn

* Lâm nghiệp:

- Trồng rừng phòng hộ: 250 ha.
- Trồng rừng kinh tế: 5.250 ha

- Khai thác rừng trồng: 369.466 m³.
- Độ che phủ rừng: 65%.

* Công nghiệp - Xây dựng:

- Điện thương phẩm: 8.000 Kw.
- Cát xây tô: 8.500 m³.
- Sạn cát loại: 16.000 m³.
- Đá chẻ: 500.000 viên.

* Xây dựng nông thôn mới: 2 xã (Ba Động, Ba Liên), hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới: 19 xã.

4. Vốn đầu tư phát triển: (Có báo cáo riêng)

5. Thu chi NSNN: (Có báo cáo riêng)

II.2. Chỉ tiêu văn hoá - xã hội.

1. Dân số, lao động:

- Dân số trung bình: 52.300
- Mức giảm tỷ lệ sinh: 0,48‰.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,04%
- Tỷ lệ hộ nghèo: giảm từ 5 - 6% theo tiêu chuẩn mới.
- Giải quyết việc làm: 1.800 lao động (trong đó XKLD 200 lao động).

2. Giáo dục:

- Số học sinh: + Mầm non: 2.732 học sinh.
- + Tiểu học: 4.708 học sinh.
- + THCS: 3.495 học sinh
- + THPT: 1.409 học sinh.

- Phổ cập THCS 500 học sinh.
- Giáo dục thường xuyên: 500 học viên.
- Hướng nghiệp dạy nghề: 300 học viên.

3. Y tế: - Tỷ lệ xã có BS trong biên chế: 90%.

- Giường bệnh: 100 giường (công suất sử dụng giường bệnh: 100%).
- Tỷ lệ trẻ em SDD: thể cân nặng 37%, thấp còi 50%.
- Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia: 02 trạm (10%).

4. Văn hoá: - Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá: 76,31%.

- Tỷ lệ thôn văn hoá: 90,47%.
- Tỷ lệ cơ quan văn hoá: 92,85%.
- Tỷ lệ hộ dùng điện lưới quốc gia: 85%.
- Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh: 85%
- Số máy điện thoại (cố định): 11 máy/ 100 dân.
- Tỷ lệ hộ nghe Đài TNVN và Đài tỉnh 95,6%.
- Tỷ lệ hộ xem THVN và truyền hình PTQ 95,6%.

II.3. Chỉ tiêu An ninh Quốc phòng.

- Huấn luyện DQTV, DBĐV và tuyển quân đạt 100%.
- Xây dựng xã, TT vững mạnh về QPAN đạt 80%-85% (trong đó VM toàn diện 55%-60%).

- Dân quân tự vệ đạt 2,8% so với dân số.

III. Nhiệm vụ chủ yếu.

1. Phát triển kinh tế:

1.1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để đẩy mạnh sản xuất nông lâm ngư nghiệp, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao. Tăng năng suất lúa và các loại cây trồng đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng. Thường xuyên kiểm tra xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm luật Bảo vệ và phát triển rừng.

- Triển khai lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới đối với tất cả các xã trong huyện đảm bảo đúng nội dung trong bộ tiêu chí nông thôn mới, phấn đấu cơ bản hoàn thành trong năm 2011 để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở cho việc thực hiện các năm tiếp theo (giai đoạn 2011 - 2015). Trước mắt là năm 2011 phải phấn đấu xây dựng hoàn thành đạt chuẩn 2 xã về xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu ở nông thôn làm cơ sở để đăng ký xây dựng nông thôn mới.

1.2. Công nghiệp - GTVT:

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng các hạng mục thuộc Cụm Công nghiệp; đôn đốc nhà đầu tư triển khai xây dựng các hạng mục đầu tư vào Cụm Công nghiệp thị trấn Ba Động.

- Lập thủ tục xin chủ trương của tỉnh xây dựng Cụm Công nghiệp xã Ba Động.

- Xúc tiến kêu gọi đầu tư, phát huy lợi thế của một số mặt hàng tiểu thủ công nghiệp truyền thống, phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các thành phần kinh tế để đẩy nhanh tốc độ phát triển CN-TTCN trên địa bàn.

- Tiếp tục mở mới các tuyến đường liên xã: Làng Giầy - Cà la, Ba Bích - Ba Trang. Duy tu các tuyến đường huyện quản lý theo kế hoạch.

1.3. Thương mại - Dịch vụ:

Đẩy nhanh tiến độ đưa vào hoạt động chợ thị trấn; triển khai xây dựng mới chợ Ba Động; triển khai đề án phát triển du lịch, thương mại dịch vụ; khuyến khích phát triển và mở rộng các cơ sở dịch vụ, các điểm du lịch văn hoá - lịch sử thu hút khách tham quan; tăng cường công tác kiểm tra giá cả, tránh biến động làm ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng; đặc biệt trong dịp Tết Nguyên Đán, có kế hoạch phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra chất lượng hàng hoá đối với các hộ kinh doanh.

2. Thu- chi ngân sách Nhà nước.

- Giao nhiệm vụ chi gắn với nhiệm vụ thu cho các đơn vị và địa phương nhằm quản lý khai thác nguồn thu đạt KH; không để nợ đọng thuế kéo dài; đảm bảo chi các hoạt động thường xuyên, đột xuất, chi đúng mục lục ngân sách; thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý ngân sách và biên chế cho các đơn vị hành chính - sự nghiệp, chủ yếu là các trường học.

3. Xây dựng cơ bản và cải thiện môi trường đầu tư.

- Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tập trung bố trí nguồn vốn thanh toán dứt điểm cho các công trình hoàn thành, chuyển tiếp, các công trình có khả năng đưa vào sử dụng năm 2011.

- Tiếp tục chấn chỉnh công tác quản lý đầu tư xây dựng; sử dụng có hiệu quả và đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn có hiệu quả tình trạng tham ô, lãng phí, đảm bảo chất lượng công trình.

- Thực hiện nhất quán các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển các loại hình doanh nghiệp.

4. Văn hoá xã hội-môi trường.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất và đời sống. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh. Phát triển nhanh nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế. Tiếp tục giữ chuẩn phổ cập GD đúng độ tuổi và phổ cập THCS; triển khai thực hiện phổ cập mẫu giáo 5 tuổi; tăng cường công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp, chống học sinh bỏ học giữa chừng.

- Tiếp tục thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao chào mừng các ngày lễ, sự kiện lớn trong năm 2011 tại huyện. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa để huy động tốt hơn các nguồn lực xã hội cho giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa và thể dục, thể thao.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm và dạy nghề cho lao động nông thôn, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu, đặc biệt là Nghị quyết 30a của Chính phủ để hỗ trợ sản xuất, ổn định đời sống đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng bị thiên tai. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 5 - 6% theo chuẩn mới.

- Sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao các nguồn tài nguyên, đảm bảo nền kinh tế phát triển bền vững. Nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường; tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường và có biện pháp xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường.

5. Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước.

- Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước; từng bước nâng cao chất lượng của cơ chế một cửa theo hướng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức và công dân. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát; xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ, việc vi phạm.

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, kết hợp lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã và huyện.

6. Thanh tra, tư pháp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục Pháp luật sâu rộng trong nhân dân.

- Tổ chức thực hiện Thi hành án dân sự đạt từ 90%.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân theo định kỳ, giải quyết kịp thời đơn thư, khiếu nại tố cáo của công dân đúng theo luật định, không để đơn thư tồn đọng, kéo dài.

- Thực hiện thanh tra kinh tế xã hội theo kế hoạch được UBND huyện phê duyệt.

7. An ninh - Quốc phòng.

- Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm trong sạch địa bàn, thực hiện tốt phong trào "toàn dân tham gia bảo vệ An ninh Tổ quốc", hạn chế các tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong mùa khô.

- Tập trung diễn tập phương án phòng thủ cấp huyện; thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự địa phương năm 2011 và đảm bảo chỉ tiêu tuyển quân đạt 100%.

IV. Giải pháp chủ yếu.

1. Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giữ vững sự thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra thường xuyên việc tổ chức thực hiện, phấn đấu hoàn thành tốt mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra. Cần chú ý đến các chỉ tiêu về tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

2. Tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, vận dụng chính sách của TW, của tỉnh, đặc biệt là thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 30a của Chính phủ; thực hiện tốt việc phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn; thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để có cơ chế khuyến khích, phát triển các thành phần kinh tế. Quản lý chặt chẽ và tổ chức thực hiện đúng tiến độ các công trình, dự án đầu tư bằng nguồn vốn Nhà nước; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, chống thất thoát, lãng phí. Củng cố và kiện toàn các Ban quản lý cấp xã nhằm nâng cao năng lực quản lý đầu tư xây dựng; có biện pháp xử phạt các chủ đầu tư, đơn vị quản lý không gửi báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư hoặc gửi báo cáo không đầy đủ thông tin theo quy định.

3. Tăng cường việc áp dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là các giống mới cho năng suất, chất lượng cao; đẩy mạnh công tác cải tạo giống vật nuôi làm cho cây trồng vật nuôi phát triển tốt. Mặt khác, cần tăng cường công tác dự tính, dự báo về tình hình sâu, bệnh ở cây trồng và vật nuôi; tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ gia súc. Đặc biệt chú trọng công tác phòng chống dịch LMLM ở gia súc và dịch cúm gia cầm, hạn chế nguy cơ tái phát.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp chính sách tạo thêm việc làm mới; tăng cường cho vay giải quyết việc làm đáp ứng nhu cầu. Thường xuyên theo dõi và đánh giá việc thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a để đảm bảo đúng mục tiêu và có hiệu quả. Bảo đảm thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế cho người nghèo. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, người dân vùng khó khăn, vùng bị thiên tai, đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện hoàn thành xây dựng nhà ở cho người nghèo.

5. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa cán bộ công chức trong các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp để có đủ kỹ năng và năng lực thực hiện nhiệm vụ. Nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ công chức. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới cơ chế sắp xếp và bổ nhiệm nhân sự theo

hướng nâng cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; kiên quyết xử lý nghiêm bằng pháp luật các vụ việc tham nhũng. Phát huy vai trò của nhân dân, các đoàn thể chính trị - xã hội, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; có biện pháp bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí...

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật trong nhân dân, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật.

7. Xây dựng tiềm lực phát triển KTXH-Quốc phòng-An ninh vững mạnh. Tiếp tục thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và Nghị định số 152/2007/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Tăng cường vận động nhân dân và bằng các biện pháp thích hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu gây mất ổn định chính trị - xã hội. Chú trọng công tác phòng, chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn. Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông.

8. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực ở các ngành, các cấp, tạo khí thế thi đua sôi nổi nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT-XH.

Trên đây là tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2010 và định hướng kế hoạch năm 2011, UBND huyện Ba Tư kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng Huyện uỷ;
- Các cơ quan, ban ngành;
Mặt trận, các Hội đoàn thể;
- UBND các xã, TT.
- C,P VP HĐND&UBND huyện,;
- Lưu VT, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Trung Chính



MỘT SỐ CHỈ TIÊU KTXH CHỦ YẾU THỰC HIỆN NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011

Phụ lục số 1

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	KH 2011	So sánh		
							TH 2010/TH 2009	TH 2010/KH 2010	KH 2011/TH 2010
I	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	300,25	342,50	345,13	399,00	114,95	100,77	115,61
I	Nông lâm ngư nghiệp	Tỷ đồng	197,75	220,50	219,09	243,00	110,79	99,36	110,91
a	Nông nghiệp	Tỷ đồng	123,50	133,00	128,82	137,80	104,31	96,86	106,97
b	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	73,00	86,00	89,56	104,45	122,69	104,14	116,62
c	Thủy sản	Tỷ đồng	1,25	1,50	0,71	0,75	56,40	47,00	106,38
2	Công nghiệp - Xây dựng	"	44,50	52,00	55,98	71,00	125,80	107,65	126,83
3	Thương mại - dịch vụ	"	58,00	70,00	70,06	85,00	120,79	100,09	121,32
II	Ngành và sản phẩm chủ yếu								
I	Nông nghiệp								
	* Sản lượng LT có hạt	Tấn	20.553,50	20.866,20	20.342,50	21.381,69	98,97	97,49	105,11
	Trong đó: Thóc	"	19.233,29	19.500,00	19.077,50	20.013,86	99,19	97,83	104,91
	Ngô	"	1.320,21	1.366,20	1.265,00	1.367,83	95,82	92,59	108,13
	* Đ/quán LTCII đầu người	Kg/ng	400,81	405,26	393,28	408,83	98,12	97,04	103,95
	* Thu nhập bình quân		5,86	6,50	6,67	7,63	113,86	102,65	114,34
a	Trồng trọt								
	- Lúa cả năm: Diện tích	Ha	4.193,00	4.193,00	4.062,50	4.187,00	96,89	96,89	103,06
	Năng suất	Tạ/ha	45,87	46,52	46,96	47,80	102,38	100,95	101,79
	Sản lượng	Tấn	19.233,29	19.500,00	19.077,50	20.013,86	99,19	97,83	104,91
	- Ngô cả năm: Diện tích	Ha	364,70	360,00	329,60	338,00	90,38	91,56	102,55
	Năng suất	Tạ/ha	36,20	37,95	38,38	40,47	106,02	101,13	105,45
	Sản lượng	Tấn	1.320,21	1.366,20	1.265,00	1.367,83	95,82	92,59	108,13
	- Mỳ cả năm: Diện tích thu hoạch	Ha	1.700,00	1.700,00	1.520,00	1.730,00	89,41	89,41	113,82
	Năng suất	Tạ/ha	124,00	132,35	125,08	134,28	100,87	94,51	107,36
	Sản lượng	Tấn	21.080,00	22.500,00	19.012,16	23.230,00	90,19	84,50	122,18
	DT trồng mới	Ha	1.520,00	1.700,00	1.702,00	1.730,00	111,97	100,12	101,65
	- Lạc cả năm: Diện tích	Ha	230,00	225,00	238,00	209,00	103,48	105,78	87,82
	Năng suất	Tạ/ha	58,47	58,83	60,23	62,52	103,01	102,38	103,80
	Sản lượng	Tấn	1.344,81	1.323,68	1.433,47	1.306,60	106,59	108,30	91,15
	- Mía cả năm: Đ.tích thu hoạch	Ha	909,10	850,00	821,20	697,50	90,33	96,61	84,94
	Năng suất	Tạ/ha	485,00	529,41	302,00	452,02	62,27	57,04	149,68
	Sản lượng	Tấn	44.091,35	44.999,85	24.800,24	31.528,50	56,25	55,11	127,13
	DT trồng	Ha	821,20	850,00	697,50	748,00	84,94	82,06	107,24
	- Lạc cả năm: Diện tích	Ha	355,30	361,00	333,60	330,50	93,89	92,41	99,07
	Năng suất	Tạ/ha	16,67	19,64	18,87	19,01	113,20	96,08	100,74
	Sản lượng	Tấn	592,29	709,00	629,50	628,28	106,28	88,79	99,81
b	Chăn nuôi								
	- Tổng đàn trâu	Con	19.616,00	19.220,00	20.353,00	20.500,00	103,76	105,89	100,72
	- Tổng đàn bò	"	8.617,00	9.190,00	9.571,00	10.080,00	111,07	104,15	105,32
	- Tỷ lệ bò lai Sind	%	53,00	57,00	57,00	57,00	107,55	100,00	100,00
	- Tổng đàn lợn	"	27.524,00	28.700,00	29.497,00	30.132,00	107,47	102,78	102,15

	- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	1.500,00	1.800,00	1.600,00	1.700,00	106,67	88,89	106,25
c	Thủy lợi								
	- Diện tích được tưới	Ha	4.193,00	4.193,00	4.062,50	4.187,00	96,89	96,89	103,06
	Trong đó: tưới bằng CTKC	Ha	2.100,00	2.163,00	2.162,00	2.582,00	102,95	99,95	119,43
2	Lâm nghiệp								
a	Quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi	Ha	77.707,55	80.136,30	78.632,20	80.136,30	101,19	98,12	101,91
c	Trồng rừng	Ha	3.671,90	4.100,00	3.432,90	5.500,00	93,49	83,73	160,21
d	Độ che phủ rừng	%	63,03	65,00	63,78	65,00			
e	Khai thác rừng trồng	M3	115.248,80	120.000,00	348.161,75	369.466,00	302,10	290,13	106,12
3	Thủy sản								
a	Sản lượng đánh bắt	Tấn	13,00	15,00	15,00	15,00			
b	Sản lượng nuôi trồng	"	144,30	174,00	175,00	175,00	121,28	100,57	100,00
c	Diện tích nuôi trồng	Ha	185,30	300,00	300,00	300,00	161,90	100,00	100,00
4	Công nghiệp-TTCN								
a	Điện thương phẩm	1000kw	7.000,00	7.700,00	7.700,00	8.000,00	110,00	100,00	103,90
b	Cát xây tô	m3	7.500,00	8.250,00	8.250,00	8.500,00	110,00	100,00	103,03
c	Sàn các loại	m3	14.100,00	15.400,00	15.400,00	16.000,00	109,22	100,00	103,90
d	Đá chế	1000viên	350,00	400,00	400,00	500,00	114,29	100,00	125,00
5	Văn hoá xã hội								
a	Dân số, lao động								
	- Dân số trung bình	Người	51.280,00	51.488,00	51.725,00	52.300,00	100,87	100,46	101,11
	- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	1.650,00	1.800,00	1.800,00	1.800,00	109,09	100,00	100,00
	- Số lao động xuất khẩu trong năm	Người	102,00	200,00	196,00	200,00	192,16	98,00	102,04
	- Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	728,00	650,00	392,00	650,00	53,85	60,31	165,82
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	30,20	25,00	27,27	25,00	90,30	109,08	91,00
b	Văn hóa, môi trường								
	- Tỷ lệ hộ xem truyền hình	%	92,00	95,00	95,00	95,60	103,26	100,00	100,63
	- Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	75,00	80,00	76,22	76,31	101,63	95,28	100,12
	- Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa	%	65,00	75,00	90,47	90,47	139,18	120,63	100,00
	- Tỷ lệ cơ quan văn hóa	%	90,00	95,00	91,42	92,85	101,58	96,23	101,56
	- Tỷ lệ hộ dùng điện (Điện lưới QG)	%	80,00	80,00	73,60	85,00	92,00	92,00	115,49
	- Số máy điện thoại/100dân(CĐ)	máy	9,00	10,00	8,00	11,00	88,89	80,00	137,50
	- Tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh	%	65,00	75,00	75,00	85,00	115,38	100,00	113,33
c	Y tế								
	- Tỷ lệ số xã có trạm y tế	%	95,00	100,00	100,00	100,00	105,26	100,00	100,00
	- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ (có BC)	%	55,00	60,00	60,00	90,00	109,09	100,00	150,00
	- Số giường bệnh	Giường	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	- Tỷ lệ TE từ vong dưới 5 tuổi	%	0,64	0,60	0,60	0,60	93,75	100,00	100,00
	- Tỷ lệ TE từ vong dưới 1 tuổi	"	2,10	1,65	1,65	1,65	78,57	100,00	100,00
	- Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi	%	40,00	38,00	39,70	37,00	99,25	104,47	93,20
d	Giáo dục								
	- Số học sinh đầu năm học	HS	11.518,00	11.840,00	11.846,00	12.344,00	107,17	104,26	104,20
	- Hướng nghiệp dạy nghề	"	637,00	490,00	480,00	300,00	47,10	61,22	62,50
	- Giáo dục thường xuyên	Học viên	436,00	500,00	514,00	500,00	114,68	100,00	97,28
	- Phổ cập giáo dục THCS	"	848,00	330,00	234,00	500,00	58,96	151,52	213,68
	- Phổ cập giáo dục Tiểu học	"	85,00	70,00	70,00	70,00	82,35	100,00	100,00